



fǎ xī sī

法西斯

noun · fascist; fascism

Example Sentences

Fǎ xī sī zhǔ yì gěi shì jiè dài lái le zāi nàn
法西斯主义给世界带来了灾难。

Fascism brought disaster to the world.

Rén men fǎn duì fǎ xī sī de bào xíng
人们反对法西斯的暴行。

People oppose the atrocities of fascists.

Trace each character, then write the word on your own.

法	法	法	法	法	法	法	法	法	法	法
西	西	西	西	西	西	西	西	西		
斯	斯	斯	斯	斯	斯	斯	斯	斯	斯	斯
斯	斯	斯	斯							